TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 215/2019/DS-PT Ngày: 14- 8 - 2019 V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Hồ Minh Tấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2019/TLPT- DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo:

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 465/2019/QĐPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Diệp Văn D, sinh năm 1952;

2. Bà Vưu Thọ D, sinh năm 1954;

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Anh Diệp Chí C, sinh năm 1995, theo Văn bản ủy quyền ngày 03-6-2019 (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lê Minh Th, sinh năm 1937; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Đồng Việt M, sinh năm 1959; cư trú tại: Phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Huỳnh Thị Nh, sinh năm 1939 (vắng mặt).

3. Anh Lê Minh C, sinh năm 1986 (có mặt).

4. Anh Lê Minh S, 54 tuổi (vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị L, 53 tuổi (vắng mặt).

6. Lê Thùy Tr (vắng mặt).

7. Lê Thùy Y1 (vắng mặt).

8. Lê Minh Nh (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau

- *Người kháng cáo:* Bà Vưu Thọ D – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Vưu Thọ D trình bày: Nguồn gốc phần đất là do Ông Đổng Việt M sang nhượng của Ông Lê Minh Th, sau đó ông M sang nhượng lại cho vợ chồng bà. Diện tích sang nhượng là 08 công tầm lớn đất ruộng (ngang 10 tầm, dài 8 công tầm lớn, tương đương ngang 30m, dài 288m) và 01 phần diện tích đất vườn ngang 18m, dài 63m vào năm 1995. Khi sang nhượng hai bên chỉ làm giấy tay, ông M có giao lại cho ông bà giấy tờ sang nhượng của ông Th và đến nay vẫn chưa chuyển tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông M sang cho vợ chồng bà.

Quá trình sử dụng đất, ông Th tự ý lấn chiếm phần đất của vợ chồng bà ngang 30m, dài 15m, tương đương diện tích 450m^2 để đổi lấy phần đất lộ xe trước nhà (lộ xe cũ nằm ở phía đông giáp sông). Tuy nhiên, sau đó ông Th nhiều lần có hành vi chửi bới, đe dọa gia đình bà buộc ông bà phải đổi lấy phần đất đó bằng phần đất ruộng phía sau. Do đó vợ chồng bà mới đồng ý đổi. Nay ông bà yêu cầu ông Th trả lại diện tích đất 450m^2, đồng thời phải bồi thường thiệt hại số tiền 240.000.000 đồng.

Ông Lê Minh Th trình bày: Ông có sang nhượng cho ông M 01 công đất ở và 08 công đất ruộng. Sau đó ông M sang nhượng lại cho Ông Diệp Văn D và Bà Vưu Thọ D. Việc sang nhượng giữa ông M với ông D, bà D như thế nào thì ông không biết. Ông xác định vào năm 1995, ông chỉ đổi đất với ông D, bà D ngang 03 tầm, không phải 05 tầm như bà D trình bày. Sau khi đổi đất thì ông D, bà D sử dụng ổn định cho đến nay. Nay qua yêu cầu của bà D thì ông đồng ý trả lại phần đất ngang 30m, dài 6m nhưng ông D, bà D phải trả lại phần đất ruộng đã đổi trước đây.

Đối với việc bà D yêu cầu ông phải bồi thường thiệt hại số tiền 240.000.000 đồng thì ông không đồng ý vì phần đất tranh chấp ông D, bà D chỉ sử dụng để làm sân, không có trồng trọt hay xây dựng gì, từ trước đến nay không có bị ảnh hưởng hay thiệt hại gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà D yêu cầu ông Th trả 466,3m^2 đất lấn chiếm, yêu cầu ông Th bồi thường số tiền 240.000.000đ do bà bị mất thu nhập từ việc ông Th lấn chiếm phần đất 466,3m^2.

- Ông Th và anh C không đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà D.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Th trả lại diện tích 450m^2 đất, còn yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 240.000.000 đồng thì không có ý kiến.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Căn cứ vào khoản 6, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 608 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Diệp Văn D và Bà Vưu Thọ D về việc yêu cầu Ông Lê Minh Th trả lại phần đất lấn chiếm với diện tích 466,3m^2 (bốn trăm sáu mươi sáu phẩy ba mét vuông), đất tọa lạc Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, có vị trí như sau:

Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Công Trứ điểm 12, điểm 13, dài 15m;

Hướng Tây giáp phần đất của Anh Lê Minh S đang sử dụng điểm 10, điểm 11, dài 15m;

Hướng Nam giáp phần đất của Anh Lê Minh S đang sử dụng điểm 11, điểm 12, dài 31,1m;

Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của Ông Diệp Văn D và Bà Vưu Thọ D điểm 10, điểm 13, dài 31,1m;

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Diệp Văn D và Bà Vưu Thọ D về việc yêu cầu Ông Lê Minh Th bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực Ông Diệp Văn D, Bà Vưu Thọ D và Ông Lê Minh Th có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 466,3m^2; Trường hợp ông D và bà D gây khó khăn trong việc điều chỉnh nêu trên thì ông Th được quyền chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tự điều chỉnh đối với phần đất nêu trên.

4. Về án phí dân sự: Ông Diệp Văn D, Bà Vưu Thọ D và Ông Lê Minh Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm (do là người cao tuổi).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Diệp Văn D và Bà Vưu Thọ D phải chịu số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí ông D, bà D đã nộp là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng); Ông Diệp Văn D và Bà Vưu Thọ D đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 28/5/2019 Bà Vưu Thọ D kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn 450m^2 (đo đạc thực tế 466,3m^2) mà ông Th đã lấn chiếm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Vưu Thọ D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của Bà Vưu Thọ D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Diệp Văn D và Bà Vưu Thọ D khởi kiện yêu cầu Ông Lê Minh Th trả lại phần đất có diện tích 450m^2 và bồi thường thiệt hại số tiền 240.000.000 đồng là vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi theo quy định tại khoản 6, khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nguồn gốc phần đất: Theo các đương sự thừa nhận phần đất do ông Th khai phá. Đến năm 1993, ông Th chuyển nhượng cho Ông Đồng Việt M. Đến ngày 19/5/1994 ông M được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số: 111/QĐ-UB ngày 29/11/1993. Đến năm 1995 ông M chuyển nhượng phần đất cho ông D và bà D. Tuy nhiên, sau khi chuyển nhượng thì ông D, bà D không làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng nên phần đất vẫn còn do ông M đứng tên.

[3] Xét thấy: Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi thì phần đất tranh chấp ngang 31,1m, dài 15m, tổng diện tích 466,3m^2. Theo Thông báo số: 63/TB-CNVPĐKĐĐ ngày 06/3/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đầm Dơi thể hiện "Qua đối chiếu với hệ thống bản đồ hiện có, phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 466,3m^2 nằm trên thửa đất số 16 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông Đồng Việt M". Theo trích lục hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của Ông Lê Minh Th và Ông Đồng Việt M do Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan Trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cung cấp thể hiện trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông Th và ông M là đúng với quy định của pháp luật hiện hành. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định phần đất 466,3m^2 là của ông D và bà D, nhưng do ông M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Xét về quá trình quản lý sử dụng đất: Theo các đương sự xác định phần đất 466,3m^2 trước đây do gia đình ông Th quản lý sử dụng. Đến năm 1993 thì gia đình

ông M quản lý sử dụng. Đến năm 1995 thì gia đình ông D, bà D quản lý sử dụng. Hiện nay phần đất 466,3m^2 do gia đình Anh Lê Minh S được ông Th giao quyền quản lý sử dụng. Thấy rằng: Theo bà D xác định, trong quá trình quản lý sử dụng đất thì ông Th tự ý lấn chiếm. Tuy nhiên, ông Th không thừa nhận có lấn chiếm, mà ông Th cho rằng ông sử dụng phần đất là do có sự trao đổi đất giữa ông với gia đình của ông D, bà D. Tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2018, biên bản hòa giải ngày 18/01/2019 bà D thừa nhận có sự trao đổi đất như ông Th trình bày, nhưng việc trao đổi không phải tự nguyện mà gia đình bà bị chửi bới, đe dọa nên đồng ý trao đổi đất. Quá trình giải quyết vụ án, ông Th không thừa nhận có sự đe dọa hay chửi gia đình bà D để buộc trao đổi đất, việc trao đổi đất là hai bên tự nguyện, chứ không phải tự ý của ông. Còn bà D không thừa nhận có việc đổi đất giữa hai bên, nhưng bà thừa nhận đơn khởi kiện ngày 17/12/2018 là do bà và con bà làm, còn tại biên bản hòa giải ngày 18/01/2019 bà không có trình bày có sự đổi đất, việc biên bản hòa giải ghi nội dung đó là do cán bộ Tòa án tự ghi. Xét thấy: Mặc dù tại phiên tòa bà D không thừa nhận có đổi đất với ông Th, nhưng qua đơn khởi kiện ngày 17/12/2018 có chữ ký của ông D, bà D và do bà tự làm. Còn tại biên bản hòa giải ngày 18/01/2019 thì có chữ ký của bà và sau khi lập xong biên bản Thư ký có đọc lại cho bà D nghe và đồng ý ký tên vào biên bản. Như vậy, ngoài lời trình bày nêu trên của bà D không được ông Th thừa nhận thì bà D không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc trao đổi đất là bị chửi, bị đe dọa và việc bà không có trình bày nội dung đổi đất tại đơn khởi kiện và biên bản hòa giải. Do đó, lời trình bày của bà D tại phiên tòa là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định, trước đây gia đình ông Th (sau này là hộ gia đình anh Son) quản lý sử dụng phần đất 466,3m^2 là do đã thông qua việc trao đổi giữa ông Th với ông D, bà D. Như vậy, việc ông Th, cũng như gia đình anh Son quản lý sử dụng phần đất của ông D, bà D là hợp pháp. Đồng thời, việc quản lý sử dụng phần đất của ông Th, cũng như gia đình anh Son đã diễn ra trong khoảng thời gian dài, từ năm 1995 đến năm 2019 mới tranh chấp. Phần đất nguyên đơn nhận đổi thì nguyên đơn cũng dùng cho việc làm cống dẫn đường nước để xổ vuông; đối với bị đơn cũng đã sử dụng phần đất nhận đổi, có làm bờ bao phục vụ cho nhu cầu canh tác, nuôi trồng thủy sản từ năm 1995 đến nay. Do nguyên đơn khởi kiện đòi đất nhưng không có chứng cứ chứng minh, nên không được cấp sơ thẩm chấp nhận. Từ đó, cấp sơ thẩm cũng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về bồi thường thiệt hại việc phần đất bị ông Th lấn chiếm với số tiền 240.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Xét về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của ông D, bà D không được chấp nhận nên ông bà phải chịu (ông D, bà D đã nộp xong) là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Xét về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông D, bà D là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên được xét miễn theo quy định tại Điều 12, 4 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Vưu Thọ D. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 43/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Diệp Văn D và Bà Vưu Thọ D về việc yêu cầu Ông Lê Minh Th trả lại phần đất lấn chiếm với diện tích 466,3m^2 *(bốn trăm sáu mươi sáu phẩy ba mét vuông)*, tọa lạc Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Công Trứ điểm 12, điểm 13, dài 15m;

- Hướng Tây giáp phần đất của Anh Lê Minh S đang sử dụng điểm 10, điểm 11, dài 15m;

- Hướng Nam giáp phần đất của Anh Lê Minh S đang sử dụng điểm 11, điểm 12, dài 31,1m;

- Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của Ông Diệp Văn D và Bà Vưu Thọ D điểm 10, điểm 13, dài 31,1m;

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Diệp Văn D và Bà Vưu Thọ D về việc yêu cầu Ông Lê Minh Th bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 240.000.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi triệu đồng)*.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực Ông Diệp Văn D, Bà Vưu Thọ D và Ông Lê Minh Th có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 466,3m^2; Trường hợp ông D và bà D gây khó khăn trong việc điều chỉnh nêu trên thì ông Th được quyền chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tự điều chỉnh đối với phần đất nêu trên.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Diệp Văn D và Bà Vưu Thọ D phải chịu số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí ông D, bà D đã nộp là 7.000.000 đồng *(bảy triệu đồng)*;

Ông Diệp Văn D và Bà Vưu Thọ D đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Diệp Văn D, Bà Vưu Thọ D và Ông Lê Minh Th được miễn toàn bộ (do là người cao tuổi).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Út